

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)

Môn Học: Toán cao cấp C1 (202114-02)

CBGD: Hà Thị Thảo Trâm (617)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Từ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	
1	09221001	VÕ THỊ THÚY	AN	1	2	1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	09221002	NGUYỄN THẾ	ANH	1	5	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	09221003	LÊ THỊ BÍCH	CA	1	1	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	09221004	NGUYỄN TRONG	CÂN	1	2	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	09221005	NGUYỄN KIM	CHÂU	1	2	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	09221007	LÊ THỊ	CHIẾN	2	6	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	09221008	NGUYỄN VĂN	CHIẾN	1	1	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	09221009	NGUYỄN VĂN	CHÍNH	1	2	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	09221006	VÕ VĂN	CHƯƠNG	2	5	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	09221013	PHAN NGỌC	DỆT	-	-	10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	09221011	LÊ THỊ	DIỆM	2	5	11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	09221012	NGUYỄN XUÂN	DIỄN	1	3	12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	09221010	NGUYỄN VĂN	DÙNG	1	3	13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	09221014	VÕ VĂN	ĐIỄN	2	5	14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	09221015	HUỖNH HOÀNG	ĐÌNH	2	6	15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	09221016	ĐINH VĂN	ĐÌNH	1	2	16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	09221017	NGUYỄN ANH	ĐỨC	1	2	17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	09221018	NGUYỄN TẤN	ĐỨC	1	2	18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	09221020	HỒ TRỌNG	HÀI	2	6	19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	09221019	VŨ THỊ	HÀI	2	5	20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	09221021	NGUYỄN HOÀNG	HÂN	1	3	21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	09221023	LÊ THANH	HIỂN	2	3	22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	09221022	HỒ VĂN	HIỂN	1	4	23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	09221024	TRẦN NGỌC	HUY	2	5	24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	09221028	NGUYỄN KINH	KHA	2	5	25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	09221025	NGUYỄN HỮU	KHÁNH	2	4	26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	09221026	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	2	7	27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	09221027	NGUYỄN THÀNH	KHÔI	1	5	28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	09221029	NGUYỄN VĂN	LẠC	1	6	29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	09221030	NGUYỄN VĂN	LIÊM	-	-	30	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	09221033	TRẦN VĂN	LIỆT	1	5	31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	09221034	NGUYỄN THỊ THÚY	LIÊU	1	2	32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)

Môn Học Toán cao cấp C1 (202114-02)

CBGD Hà Thị Thảo Trâm (617)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Tô	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	09221032	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	1	5	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	09221031	NGUYỄN HỮU	LỢI	1	6	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	09221036	PHẠM VĂN	LUẬT	2	5	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	09221035	NGUYỄN VĂN	LUÔN	2	2	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	09221038	TRẦN VĂN	MINH	2	3	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	09221037	NGÔ VĂN	MƠ	1	1	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
39	09221039	NGUYỄN THÀNH	NAM	1	3	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
40	09221041	NGUYỄN TRUNG	NGHĨA	1	8	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
41	09221040	NGUYỄN VĂN	NGHIỆM	1	3	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
42	09221042	NGUYỄN THỊ	NGUYỄN	2	6	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	09221043	PHẠM THANH	NHÂN	1	3	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
44	09221049	TRẦN NGỌC	PHẢI	2	4	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
45	09221045	NGUYỄN TẤN	PHÁT	1	3	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
46	09221050	NGUYỄN THỊ	PHÂN	1	3	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
47	09221051	NGUYỄN CHÂU	PHI	1	2	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
48	09221052	TÔ TRƯƠNG	PHI	1	3	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
49	09221054	HUỖNH VĂN HỒNG	PHIM	1	4	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
50	09221057	ĐÌNH CHÂU	PHONG	2	3	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
51	09221058	NGUYỄN THANH	PHONG	1	5	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
52	09221059	VÕ TẤN	PHONG	2	6	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
53	09221060	VÕ TIỀN	PHONG	2	8	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
54	09221046	NGUYỄN VĂN	PHƠ	2	7	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
55	09221056	NGUYỄN TIẾN	PHÚC	1	6	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
56	09221061	LÊ VĂN	PHỤNG	1	5	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
57	09221055	NGUYỄN QUỐC	PHƯỢNG	1	25	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
58	09221053	NGUYỄN VĂN	PHƯỚC	2	7	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
59	09221047	HÀ NGUYỄN VIÊN	PHƯƠNG	2	9	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
60	09221048	NGUYỄN VĂN	PHƯƠNG	2	6	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
61	09221063	VÕ MINH	QUANG	2	3	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
62	09221062	NGUYỄN MINH	QUÂN	1	6	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
63	09221064	NGUYỄN PHÚ	QUỐC	2	9	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
64	09221065	NGUYỄN VĂN BÉ	SÁU	1	32	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)

Môn Học Toán cao cấp C1 (202114-02)

CBGD Hà Thị Thảo Trâm (617)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Chữ ký SV	S.Tô	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
65	09221067	NGUYỄN THỊ SEN		1	7	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
66	09221070	NGÔ TRÁNG SĨ		2	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
67	09221069	TRẦN VĂN SOÀI		3	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
68	09221066	NGUYỄN MINH SƠN		4	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
69	09221068	NGUYỄN VĂN SỬ		5	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
70	09221071	ĐỖ VĂN SY		6	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
71	09221073	NGUYỄN VĂN TÀI		7	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
72	09221072	PHẠM THANH TÂM		8	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
73	09221076	NGUYỄN QUỐC THÁI		9	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
74	09221082	PHẠM HOÀNG THANH		10	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
75	09221079	TRẦN VĂN THÀNH		11	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
76	09221080	NGUYỄN NHẬT THẢO		12	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
77	09221081	NGUYỄN TOÀN THẮNG		13	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
78	09221077	TRẦN QUANG THOM		14	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
79	09221075	NGUYỄN THỊ NGỌC THƯ		15	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
80	09221078	HUỲNH HOÀI THƯƠNG		16	7	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
81	09221083	NGUYỄN CÔNG THƯỜNG		17	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
82	09221085	NGUYỄN ĐỨC TIẾN		18	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
83	09221086	NGUYỄN THỊ KIM TIẾNG		19	7	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
84	09221087	LÊ VĂN TIỆP		20	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
85	09221088	PHẠM VĂN TOÀN		21	1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
86	09221089	HUỲNH QUỐC TOÀN		22	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
87	09221093	TRẦN MINH TRÍ		23	7	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
88	09221091	NGUYỄN THÀNH TRUNG		24	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
89	09221092	NGUYỄN THÀNH TRUNG		25	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
90	09221090	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG		26	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
91	09221095	HOÀNG VĂN TUẤN		27	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
92	09221084	HỒ VĂN TÙNG		28	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
93	09221096	MAI THỊ TUYẾN		29	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
94	09221097	PHAN THỊ BACH TUYẾT		30	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
95	09221094	NGUYỄN VĂN TỰ		31	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
96	09221074	BÙI HOÀNG TUÔNG		32	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)

Môn Học: Toán cao cấp C1 (202114-02)

CBGD: Hà Thị Thảo Trâm (617)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Từ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
97	09221044	NGUYỄN VĂN	ÚT	1	3	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
98	09221098	TRƯƠNG TRUNG	VUI	2	2	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
99	09221099	NGUYỄN HỮU	VY	2	5	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					4	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					5	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					6	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					7	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					8	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					9	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					10	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					11	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					12	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					13	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					14	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					15	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					16	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					17	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					18	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					19	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					20	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					21	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					22	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					23	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					24	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					25	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					26	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					27	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					28	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					29	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					30	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					31	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					32	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

bair: 89
157

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)

Môn Học Các ng. lý CB của CN Mác Lênin (200106-26)

CBGD Lê Thị Kim Chi (422)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Tờ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09221001	VÕ THỊ THÚY	AN	1	6	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	09221002	NGUYỄN THỂ	ANH	1	5	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	09221003	LÊ THỊ BÍCH	CA			3 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	09221004	NGUYỄN TRỌNG	CĂN			4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	09221005	NGUYỄN KIM	CHÂU	1	6	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	09221007	LÊ THỊ	CHIẾN	1	7	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	09221008	NGUYỄN VĂN	CHIẾN	1	6	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	09221009	NGUYỄN VĂN	CHÍNH			8 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	09221006	VÕ VĂN	CHƯƠNG			9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	09221013	PHAN NGỌC	DỆT			10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	09221011	LÊ THỊ	DIỄM	1	5	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	09221012	NGUYỄN XUÂN	DIỄM			12 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	09221010	NGUYỄN VĂN	DỪNG	1	5	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	09221014	VÕ VĂN	ĐIỄM			14 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	09221015	HUỖNH HOÀNG	ĐÌNH			15 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	09221016	ĐINH VĂN	ĐÌNH			16 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	09221017	NGUYỄN ANH	ĐỨC	1	4	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	09221018	NGUYỄN TẤN	ĐỨC	1	6	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	09221020	HỒ TRỌNG	HÀI			19 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	09221019	VŨ THỊ	HÀI	1	5	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	09221021	NGUYỄN HOÀNG	HÂN			21 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	09221023	LÊ THANH	HIỀN	1	3	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	09221022	HỒ VĂN	HIỀN	1	3	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	09221024	TRẦN NGỌC	HUY	1	5	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	09221028	NGUYỄN KINH	KHA			25 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	09221025	NGUYỄN HỮU	KHÁNH	1	5	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	09221026	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	1	5	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	09221027	NGUYỄN THÀNH	KHÔI	1	5	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	09221029	NGUYỄN VĂN	LAC			29 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	09221030	NGUYỄN VĂN	LIÊM			30 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	09221033	TRẦN VĂN	LIỆT			31 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	09221034	NGUYỄN THỊ THÚY	LIÊU	1	5	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)

Môn Học Các ng. lý CB của CN Mác Lênin (200106-26)

CBGD Lê Thị Kim Chi (422)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Từ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	09221032	NGUYỄN THỊ THÙY	linh	1	5	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	09221031	NGUYỄN HỮU	LỢI	1	5	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	09221036	PHẠM VĂN	LUẬT	1	3	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	09221035	NGUYỄN VĂN	LUÔN	1	6	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	09221038	TRẦN VĂN	MINH			5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	09221037	NGÔ VĂN	MƠ	1	6	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
39	09221039	NGUYỄN THÀNH	NAM			7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
40	09221041	NGUYỄN TRUNG	NGHĨA			8 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
41	09221040	NGUYỄN VĂN	NGHIỆM	1	8	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
42	09221042	NGUYỄN THỊ	NGUYỄN	1	5	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	09221043	PHẠM THANH	NHÀN	1	5	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
44	09221049	TRẦN NGỌC	PHÀI	1	5	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
45	09221045	NGUYỄN TẤN	PHÁT	1	3	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
46	09221050	NGUYỄN THỊ	PHÂN			14 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
47	09221051	NGUYỄN CHÂU	PHI	1	5	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
48	09221052	TÔ TRƯƠNG	PHI	1	3	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
49	09221054	HUỖNH VĂN HỒNG	PHIM			17 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
50	09221057	ĐÌNH CHÂU	PHONG	1	5	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
51	09221058	NGUYỄN THANH	PHONG	1	8	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
52	09221059	VÕ TẤN	PHONG	1	5	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
53	09221060	VÕ TIỀN	PHONG	1	5	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
54	09221046	NGUYỄN VĂN	PHƠ	1	6	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
55	09221056	NGUYỄN TIẾN	PHÚC	1	5	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
56	09221061	LÊ VĂN	PHỤNG			24 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
57	09221055	NGUYỄN QUỐC	PHƯỢNG			25 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
58	09221053	NGUYỄN VĂN	PHƯỚC	1	5	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
59	09221047	HÀ NGUYỄN VIÊN	PHƯƠNG	1	5	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
60	09221048	NGUYỄN VĂN	PHƯƠNG			28 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
61	09221063	VÕ MINH	QUANG			29 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
62	09221062	NGUYỄN MINH	QUÂN	1	6	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
63	09221064	NGUYỄN PHÚ	QUỐC	1	5	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
64	09221065	NGUYỄN VĂN BÉ	SÁU			32 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)

Môn Học Các ng. lý CB của CN Mác Lênin (200106-26)

CBGD Lê Thị Kim Chi (422)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Tô	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
65	09221067	NGUYỄN THỊ	SEN		1	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
66	09221070	NGÔ TRÁNG	SỈ		2	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
67	09221069	TRẦN VĂN	SOÀI		3	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
68	09221066	NGUYỄN MINH	SƠN		4	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
69	09221068	NGUYỄN VĂN	SỬ		5	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
70	09221071	ĐỖ VĂN	SY		6	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
71	09221073	NGUYỄN VĂN	TÀI	<i>Vương</i>	5	7 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
72	09221072	PHẠM THANH	TÂM	<i>Phạm</i>	3	8 V 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10
73	09221076	NGUYỄN QUỐC	THÁI	<i>Nguyễn</i>	4	9 V 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10
74	09221082	PHẠM HOÀNG	THANH	<i>Phạm</i>	5	10 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
75	09221079	TRẦN VĂN	THÀNH			11 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
76	09221080	NGUYỄN NHẬT	THẢO	<i>Nguyễn</i>	7	12 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10
77	09221081	NGUYỄN TOÀN	THĂNG	<i>Nguyễn</i>	5	13 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
78	09221077	TRẦN QUANG	THOM			14 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
79	09221075	NGUYỄN THỊ NGỌC	THƯ	<i>Nguyễn</i>	5	15 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
80	09221078	HUỖNH HOÀI	THƯƠNG			16 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
81	09221083	NGUYỄN CÔNG	THƯỜNG	<i>Nguyễn</i>	6	17 V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10
82	09221085	NGUYỄN ĐỨC	TIẾN	<i>Nguyễn</i>	5	18 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
83	09221086	NGUYỄN THỊ KIM	TIẾNG			19 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
84	09221087	LÊ VĂN	TIỆP	<i>Lê</i>	5	20 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
85	09221088	PHẠM VĂN	TOÀN			21 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
86	09221089	HUỖNH QUỐC	TOÀN	<i>Huỳnh</i>	5	22 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
87	09221093	TRẦN MINH	TRÍ			23 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
88	09221091	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	<i>Nguyễn</i>	5	24 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
89	09221092	NGUYỄN THÀNH	TRUNG			25 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
90	09221090	NGUYỄN VĂN	TRƯỜNG			26 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
91	09221095	HOÀNG VĂN	TUẤN	<i>Hoàng</i>	5	27 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
92	09221084	HỒ VĂN	TÙNG			28 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
93	09221096	MAI THỊ	TUYẾN	<i>Mai</i>	4	29 V 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10
94	09221097	PHAN THỊ BẠCH	TUYẾT	<i>Phan</i>	6	30 V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10
95	09221094	NGUYỄN VĂN	TỰ	<i>Nguyễn</i>	7	31 V 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10
96	09221074	BÙI HOÀNG	TƯỜNG	<i>Bùi</i>	8	32 V 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)

Môn Học Các ng. lý CB của CN Mác Lênin (200106-26)

CBGD Lê Thị Kim Chi (422)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Tử	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
97	09221044	NGUYỄN VĂN	ÚT	1	5	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
98	09221098	TRƯƠNG TRUNG	VUI	1	5	2 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
99	09221099	NGUYỄN HỮU	VY	1	5	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Tổng bài: 58

tr: 58

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)

Môn Học Pháp luật đại cương (202622-14)

CBGD Nguyễn Bạch Đằng (748)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Tờ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09221001	VÕ THỊ THÚY	AN	1	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	09221002	NGUYỄN THẾ	ANH	1	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	09221003	LÊ THỊ BÍCH	CA	1	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	09221004	NGUYỄN TRONG	CÂN	1	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	09221005	NGUYỄN KIM	CHÂU	1	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	09221007	LÊ THỊ	CHIẾN	1	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	09221008	NGUYỄN VĂN	CHIẾN	1	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	09221009	NGUYỄN VĂN	CHÍNH	1	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	09221006	VÕ VĂN	CHƯƠNG	1	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	09221013	PHAN NGỌC	DỆT	1	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	09221011	LÊ THỊ	DIỆM	1	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	09221012	NGUYỄN XUÂN	DIỄN	1	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	09221010	NGUYỄN VĂN	DỪNG	1	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	09221014	VÕ VĂN	DIỄN	1	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	09221015	HUỲNH HOÀNG	ĐÌNH	1	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	09221016	ĐINH VĂN	ĐÌNH	1	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	09221017	NGUYỄN ANH	ĐỨC	1	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	09221018	NGUYỄN TÂN	ĐỨC	1	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	09221020	HỒ TRỌNG	HÀI	1	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	09221019	VŨ THỊ	HÀI	1	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	09221021	NGUYỄN HOÀNG	HÂN	1	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	09221023	LÊ THANH	HIỀN	1	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	09221022	HỒ VĂN	HIỀN	1	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	09221024	TRẦN NGỌC	HUY	1	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	09221028	NGUYỄN KINH	KHA	1	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	09221025	NGUYỄN HỮU	KHÁNH	1	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	09221026	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	1	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	09221027	NGUYỄN THÀNH	KHÔI	1	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	09221029	NGUYỄN VĂN	LAC	1	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	09221030	NGUYỄN VĂN	LIÊM	1	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	09221033	TRẦN VĂN	LIỆT	1	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	09221034	NGUYỄN THỊ THÚY	LIÊU	1	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)

Môn Học Pháp luật đại cương (202622-14)

CBGD Nguyễn Bạch Đằng (748)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Từ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	09221032	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	1	5	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	09221031	NGUYỄN HỮU	LỢI	1	4	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	09221036	PHẠM VĂN	LUẬT	1	4	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	09221035	NGUYỄN VĂN	LUÔN	1	4	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	09221038	TRẦN VĂN	MINH	1	4	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	09221037	NGÔ VĂN	MƠ	1	4	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
39	09221039	NGUYỄN THÀNH	NAM	1	3	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
40	09221041	NGUYỄN TRUNG	NGHĨA	✓	✓	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
41	09221040	NGUYỄN VĂN	NGHIỆM	1	4	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
42	09221042	NGUYỄN THỊ	NGUYỄN	1	5	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	09221043	PHẠM THANH	NHÀN	1	2	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
44	09221049	TRẦN NGỌC	PHÀI	1	5	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
45	09221045	NGUYỄN TẤN	PHÁT	1	5	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
46	09221050	NGUYỄN THỊ	PHÂN	1	3	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
47	09221051	NGUYỄN CHÂU	PHI	1	3	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
48	09221052	TÔ TRƯƠNG	PHI	1	3	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
49	09221054	HUYỀN VĂN HỒNG	PHIM	1	5	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
50	09221057	ĐÌNH CHÂU	PHONG	1	4	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
51	09221058	NGUYỄN THANH	PHONG	1	3	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
52	09221059	VÕ TẤN	PHONG	1	3	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
53	09221060	VÕ TIỀN	PHONG	1	3	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
54	09221046	NGUYỄN VĂN	PHƠ	1	6	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
55	09221056	NGUYỄN TIẾN	PHÚC	1	5	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
56	09221061	LÊ VĂN	PHỤNG	1	3	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
57	09221055	NGUYỄN QUỐC	PHƯỢNG	✓	✓	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
58	09221053	NGUYỄN VĂN	PHƯỚC	1	6	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
59	09221047	HÀ NGUYỄN VIÊN	PHƯƠNG	1	3	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
60	09221048	NGUYỄN VĂN	PHƯƠNG	1	3	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
61	09221063	VÕ MINH	QUANG	1	4	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
62	09221062	NGUYỄN MINH	QUÂN	1	3	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
63	09221064	NGUYỄN PHÚ	QUỐC	1	3	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
64	09221065	NGUYỄN VĂN BÉ	SÁU	✓	✓	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)

Môn Học Pháp luật đại cương (202622-14)

CBGD Nguyễn Bạch Đằng (748)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Tờ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
65	09221067	NGUYỄN THỊ	SEN	1	5	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
66	09221070	NGÔ TRẮNG	SĨ	1	5	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
67	09221069	TRẦN VĂN	SOÁI	1	5	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
68	09221066	NGUYỄN MINH	SON	1	5	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
69	09221068	NGUYỄN VĂN	SỨ	1	5	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
70	09221071	ĐỖ VĂN	SY	1	4	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
71	09221073	NGUYỄN VĂN	TÀI	1	6	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
72	09221072	PHẠM THANH	TÂM	1	3	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
73	09221076	NGUYỄN QUỐC	THÁI	1	3	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
74	09221082	PHẠM HOÀNG	THANH	1	3	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
75	09221079	TRẦN VĂN	THÀNH	1	3	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
76	09221080	NGUYỄN NHẬT	THẢO	1	5	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
77	09221081	NGUYỄN TOÀN	THẮNG	1	5	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
78	09221077	TRẦN QUANG	THOM	1	5	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
79	09221075	NGUYỄN THỊ NGỌC	THƯ	1	4	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
80	09221078	HUỲNH HOÀI	THƯƠNG	1	6	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
81	09221083	NGUYỄN CÔNG	THƯỜNG	1	6	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
82	09221085	NGUYỄN ĐỨC	TIẾN	1	5	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
83	09221086	NGUYỄN THỊ KIM	TIẾNG	1	5	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
84	09221087	LÊ VĂN	TIỆP	1	5	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
85	09221088	PHẠM VĂN	TOÀN	1	3	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
86	09221089	HUỲNH QUỐC	TOÀN	1	5	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
87	09221093	TRẦN MINH	TRÍ	1	5	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
88	09221091	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	1	3	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
89	09221092	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	1	3	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
90	09221090	NGUYỄN VĂN	TRƯỜNG	1	5	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
91	09221095	HOÀNG VĂN	TUẤN	1	3	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
92	09221084	HỒ VĂN	TÙNG	1	3	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
93	09221096	MAI THỊ	TUYẾN	1	5	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
94	09221097	PHAN THỊ BẠCH	TUYẾT	1	6	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
95	09221094	NGUYỄN VĂN	TỰ	1	4	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
96	09221074	BÙI HOÀNG	TƯỜNG	1	5	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)

Môn Học Pháp luật đại cương (202622-14)

CBGD Nguyễn Bạch Đằng (748)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Từ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
97	09221044	NGUYỄN VĂN	ÚT	1	3	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
98	09221098	TRƯƠNG TRUNG	VUI	1	3	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
99	09221099	NGUYỄN HỮU	VY	1	3	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài 88
Số bài 88

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)

Môn Học Xã hội học đại cương (202621-15)

CBGD Võ Văn Việt (545)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Tờ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09221001	VÕ THỊ THÚY	AN	1	7	1
2	09221002	NGUYỄN THẾ	ANH	1	6	2
3	09221003	LÊ THỊ BÍCH	CA	1	5	3
4	09221004	NGUYỄN TRỌNG	CẦN	1	5	4
5	09221005	NGUYỄN KIM	CHÂU	1	6	5
6	09221007	LÊ THỊ	CHIẾN	2	6	6
7	09221008	NGUYỄN VĂN	CHIẾN	1	6	7
8	09221009	NGUYỄN VĂN	CHÍNH	1	3	8
9	09221006	VÕ VĂN	CHƯƠNG	1	3	9
10	09221013	PHAN NGỌC	DỆT	1	10	10
11	09221011	LÊ THỊ	DIỆM	1	4	11
12	09221012	NGUYỄN XUÂN	DIỄN	1	3	12
13	09221010	NGUYỄN VĂN	DỪNG	1	4	13
14	09221014	VÕ VĂN	ĐIỀN	1	6	14
15	09221015	HUỲNH HOÀNG	ĐÌNH	2	7	15
16	09221016	ĐINH VĂN	ĐÌNH	4	4	16
17	09221017	NGUYỄN ANH	ĐỨC	1	6	17
18	09221018	NGUYỄN TẤN	ĐỨC	1	8	18
19	09221020	HỒ TRỌNG	HẢI	1	8	19
20	09221019	VŨ THỊ	HẢI	1	5	20
21	09221021	NGUYỄN HOÀNG	HÂN	1	6	21
22	09221023	LÊ THANH	HIỀN	1	6	22
23	09221022	HỒ VĂN	HIỀN	1	6	23
24	09221024	TRẦN NGỌC	HUY	1	8	24
25	09221028	NGUYỄN KINH	KHA	2	5	25
26	09221025	NGUYỄN HỮU	KHÁNH	1	4	26
27	09221026	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	1	7	27
28	09221027	NGUYỄN THÀNH	KHÔI	1	4	28
29	09221029	NGUYỄN VĂN	LẠC	1	8	29
30	09221030	NGUYỄN VĂN	LIÊM	1	1	30
31	09221033	TRẦN VĂN	LIỆT	1	5	31
32	09221034	NGUYỄN THỊ THÚY	LIÊU	1	8	32

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)

Môn Học Xã hội học đại cương (202621-15)

CBGD Võ Văn Việt (545)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Tờ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	09221032	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	1	8	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	09221031	NGUYỄN HỮU	LỢI	1	4	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	09221036	PHẠM VĂN	LUẬT	1	5	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	09221035	NGUYỄN VĂN	LUÔN	1	5	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	09221038	TRẦN VĂN	MINH	2	7	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	09221037	NGÔ VĂN	MƠ	1	7	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
39	09221039	NGUYỄN THÀNH	NAM	2	8	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
40	09221041	NGUYỄN TRUNG	NGHĨA	1	8	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
41	09221040	NGUYỄN VĂN	NGHIÊM	1	7	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
42	09221042	NGUYỄN THỊ	NGUYỄN	2	6	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	09221043	PHẠM THANH	NHÀN	1	4	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
44	09221049	TRẦN NGỌC	PHÀI	2	7	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
45	09221045	NGUYỄN TẤN	PHÁT	1	6	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
46	09221050	NGUYỄN THỊ	PHÂN	1	5	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
47	09221051	NGUYỄN CHÂU	PHI	1	4	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
48	09221052	TÔ TRƯƠNG	PHI	1	4	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
49	09221054	HUỖNH VĂN HỒNG	PHIM	2	7	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
50	09221057	ĐÌNH CHÂU	PHONG	1	7	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
51	09221058	NGUYỄN THANH	PHONG	1	8	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
52	09221059	VÕ TẤN	PHONG	1	7	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
53	09221060	VÕ TIỀN	PHONG	1	7	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
54	09221046	NGUYỄN VĂN	PHƠ	1	7	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
55	09221056	NGUYỄN TIẾN	PHÚC	1	5	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
56	09221061	LÊ VĂN	PHỤNG	1	5	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
57	09221055	NGUYỄN QUỐC	PHƯỢNG	1	5	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
58	09221053	NGUYỄN VĂN	PHƯỚC	1	6	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
59	09221047	HÀ NGUYỄN VIÊN	PHƯƠNG	1	6	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
60	09221048	NGUYỄN VĂN	PHƯƠNG	1	5	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
61	09221063	VÕ MINH	QUANG	1	8	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
62	09221062	NGUYỄN MINH	QUÂN	1	3	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
63	09221064	NGUYỄN PHÚ	QUỐC	2	7	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
64	09221065	NGUYỄN VĂN BÉ	SÁU	1	7	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)

Môn Học Xã hội học đại cương (202621-15)

CBGD Võ Văn Việt (545)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Từ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
65	09221067	NGUYỄN THỊ SEN		1	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
66	09221070	NGÔ TRÁNG SĨ		1	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
67	09221069	TRẦN VĂN SOÀI		1	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
68	09221066	NGUYỄN MINH SON		1	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
69	09221068	NGUYỄN VĂN SÚ		1	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
70	09221071	ĐỖ VĂN SY		1	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
71	09221073	NGUYỄN VĂN TÀI		1	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
72	09221072	PHẠM THANH TÂM		1	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
73	09221076	NGUYỄN QUỐC THÁI		1	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
74	09221082	PHẠM HOÀNG THANH		1	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
75	09221079	TRẦN VĂN THÀNH		1	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
76	09221080	NGUYỄN NHẬT THẢO		1	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
77	09221081	NGUYỄN TOÀN THẮNG		1	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
78	09221077	TRẦN QUANG THOM		1	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
79	09221075	NGUYỄN THỊ NGỌC THƯ		1	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
80	09221078	HUỲNH HOÀI THƯƠNG		1	16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
81	09221083	NGUYỄN CÔNG THƯỜNG		1	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
82	09221085	NGUYỄN ĐỨC TIẾN		1	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
83	09221086	NGUYỄN THỊ KIM TIẾNG		1	19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
84	09221087	LÊ VĂN TIỆP		1	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
85	09221088	PHẠM VĂN TOÀN		1	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
86	09221089	HUỲNH QUỐC TOÀN		1	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
87	09221093	TRẦN MINH TRÍ		1	23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
88	09221091	NGUYỄN THÀNH TRUNG		1	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
89	09221092	NGUYỄN THÀNH TRUNG		2	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
90	09221090	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG		1	26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
91	09221095	HOÀNG VĂN TUẤN		1	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
92	09221084	HỒ VĂN TÙNG		1	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
93	09221096	MAI THỊ TUYẾN		1	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
94	09221097	PHAN THỊ BẠCH TUYẾT		1	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
95	09221094	NGUYỄN VĂN TỰ		1	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
96	09221074	BÙI HOÀNG TƯỜNG		1	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)

Môn Học Xã hội học đại cương (202621-15)

CBGD Võ Văn Việt (545)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Tờ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
97	09221044	NGUYỄN VĂN ÚT	<i>Ưt</i>	1	6	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
98	09221098	TRƯƠNG TRUNG VUI	<i>Trương</i>	2		1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
99	09221099	NGUYỄN HỮU VY	<i>Nguyễn</i>	3	8	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
				4		1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
				5		1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
				6		1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
				7		1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
				8		1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
				9		1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
				10		1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
				11		1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
				12		1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
				13		1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
				14		1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
				15		1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
				16		1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
				17		1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
				18		1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
				19		1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
				20		1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
				21		1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
				22		1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
				23		1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
				24		1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
				25		1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
				26		1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
				27		1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
				28		1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
				29		1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
				30		1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
				31		1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
				32		1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 88
Số tờ: 98

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 04122

Trang 1/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

R 28/10

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)

Môn Học Xã hội học đại cương (202621-15)

CBGD Võ Văn Việt (545)

STT	Mã SV	Họ và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09221009	NGUYỄN VĂN CHÍNH				1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	09221006	VÕ VĂN CHƯƠNG				2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	09221013	PHAN NGỌC DỆT				3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	09221011	LÊ THỊ DIỄM		<i>[Signature]</i>	6	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	09221012	NGUYỄN XUÂN DIỄN		<i>[Signature]</i>	6	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	09221010	NGUYỄN VĂN DÙNG		<i>[Signature]</i>	5	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	09221016	ĐINH VĂN ĐÌNH		<i>[Signature]</i>	5	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	09221025	NGUYỄN HỮU KHÁNH		<i>[Signature]</i>	6	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	09221027	NGUYỄN THÀNH KHÔI		<i>[Signature]</i>	5	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	09221030	NGUYỄN VĂN LIÊM				10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	09221031	NGUYỄN HỮU LỢI		<i>[Signature]</i>	5	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	09221041	NGUYỄN TRUNG NGHĨA				12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	09221043	PHẠM THANH NHÀN		<i>[Signature]</i>	1	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	09221051	NGUYỄN CHÂU PHI		<i>[Signature]</i>	6	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	09221052	TÔ TRƯỞNG PHI		<i>[Signature]</i>	5	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	09221055	NGUYỄN QUỐC PHỤNG				16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	09221062	NGUYỄN MINH QUÂN		<i>[Signature]</i>	5	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	09221065	NGUYỄN VĂN BÉ SÁU				18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	09221067	NGUYỄN THỊ SEN				19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	09221066	NGUYỄN MINH SƠN		<i>[Signature]</i>	6	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	09221078	HUYỀN HOÀI THƯƠNG				21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	09221086	NGUYỄN THỊ KIM TIẾNG				22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	09221093	TRẦN MINH TRÍ				23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	09221090	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG		<i>[Signature]</i>	5	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	09221094	NGUYỄN VĂN TỰ		<i>[Signature]</i>	3	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	09221098	TRƯƠNG TRUNG VUI				26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 04120

Trang 1/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

R27/10

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)

Môn Học Các ng.lý cơ bản của Máclênin (200106-26)

CBGD Lê Thị Kim Chi (422)

STT	Mã SV	Họ và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09221003	LÊ THỊ BÍCH	CA			1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	09221004	NGUYỄN TRỌNG	CẦN			2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	09221009	NGUYỄN VĂN	CHÍNH			3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	09221006	VÕ VĂN	CHƯƠNG			4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	09221013	PHAN NGỌC	DỆT			5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	09221012	NGUYỄN XUÂN	DIỄN			6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	09221014	VÕ VĂN	DIỄN			7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	09221015	HUỖNH HOÀNG	ĐÌNH			8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	09221016	ĐINH VĂN	ĐÌNH			9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	09221017	NGUYỄN ANH	ĐỨC		2	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	09221020	HỒ TRỌNG	HÀI			11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	09221021	NGUYỄN HOÀNG	HÂN			12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	09221023	LÊ THANH	HIỀN		5	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	09221022	HỒ VĂN	HIỀN		3	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	09221028	NGUYỄN KINH	KHA			15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	09221029	NGUYỄN VĂN	LẠC			16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	09221030	NGUYỄN VĂN	LIÊM			17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	09221033	TRẦN VĂN	LIỆT			18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	09221036	PHẠM VĂN	LUẬT		5	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	09221038	TRẦN VĂN	MINH			20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	09221039	NGUYỄN THÀNH	NAM			21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	09221041	NGUYỄN TRUNG	NGHĨA			22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	09221045	NGUYỄN TẤN	PHÁT			23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	09221050	NGUYỄN THỊ	PHẬN			24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	09221052	TÔ TRƯỞNG	PHI		5	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	09221054	HUỖNH VĂN HỒNG	PHIM			26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	09221061	LÊ VĂN	PHỤNG			27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	09221055	NGUYỄN QUỐC	PHỤNG			28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	09221048	NGUYỄN VĂN	PHƯƠNG			29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	09221063	VÕ MINH	QUANG			30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	09221065	NGUYỄN VĂN BÉ	SÁU			31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 04120

Trang 2/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)

Môn Học Các ng.lý cơ bản của MácLenin (200106-26)

CBGD Lê Thị Kim Chi (422)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên												
32	09221067	NGUYỄN THỊ SEN				1	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
33	09221070	NGÔ TRÁNG SĨ				2	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
34	09221069	TRẦN VĂN SOÀI				3	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
35	09221066	NGUYỄN MINH SƠN				4	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
36	09221068	NGUYỄN VĂN SỬ				5	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
37	09221071	ĐỖ VĂN SY				6	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
38	09221072	PHẠM THANH TÂM				7	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
39	09221076	NGUYỄN QUỐC THÁI			5	8	☐	☐	☐	☐	☐	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐
40	09221079	TRẦN VĂN THÀNH				9	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
41	09221077	TRẦN QUANG THOM				10	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
42	09221078	HUỖNH HOÀI THƯƠNG				11	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
43	09221086	NGUYỄN THỊ KIM TIẾNG				12	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
44	09221088	PHẠM VĂN TOÀN				13	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
45	09221093	TRẦN MINH TRÍ				14	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
46	09221092	NGUYỄN THÀNH TRUNG				15	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
47	09221090	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG			6	16	☐	☐	☐	☐	☐	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐
48	09221084	HỒ VĂN TÙNG				17	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
49	09221096	MAI THỊ TUYẾN			5	18	☐	☐	☐	☐	☐	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐
50	09221098	TRƯƠNG TRUNG VUI				19	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						20	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						21	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						22	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						23	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						24	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						25	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						26	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						27	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						28	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						29	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						30	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						31	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						32	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)
Môn Học Toán cao cấp C1 (202114-02)
CBGD Hà Thị Thảo Trâm (617)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09221001	VÕ THỊ THÚY	AN		5	1 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	09221003	LÊ THỊ BÍCH	CA		5	2 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	09221004	NGUYỄN TRỌNG	CẦN		5	3 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4	09221005	NGUYỄN KIM	CHÂU		5	4 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5	09221008	NGUYỄN VĂN	CHIẾN		5	5 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6	09221009	NGUYỄN VĂN	CHÍNH			6 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7	09221013	PHAN NGỌC	DỆT			7 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8	09221012	NGUYỄN XUÂN	DIỄN		3	8 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9	09221010	NGUYỄN VĂN	DỪNG		5	9 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10	09221016	ĐINH VĂN	ĐÌNH		6	10 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11	09221017	NGUYỄN ANH	ĐỨC		2	11 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12	09221018	NGUYỄN TẤN	ĐỨC		5	12 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13	09221021	NGUYỄN HOÀNG	HẠN		2	13 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14	09221023	LÊ THANH	HIỀN		5	14 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15	09221022	HỒ VĂN	HIỀN		5	15 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16	09221025	NGUYỄN HỮU	KHÁNH		5	16 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17	09221030	NGUYỄN VĂN	LIÊM			17 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18	09221034	NGUYỄN THỊ THÚY	LIÊU		7	18 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19	09221035	NGUYỄN VĂN	LUÔN		6	19 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20	09221038	TRẦN VĂN	MINH		6	20 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21	09221037	NGÔ VĂN	MƠ		5	21 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22	09221039	NGUYỄN THÀNH	NAM		5	22 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23	09221041	NGUYỄN TRUNG	NGHĨA			23 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24	09221040	NGUYỄN VĂN	NGHIỆM		5	24 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25	09221043	PHẠM THANH	NHÀN		5	25 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26	09221049	TRẦN NGỌC	PHẢI		5	26 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27	09221045	NGUYỄN TẤN	PHÁT			27 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28	09221050	NGUYỄN THỊ	PHÂN		5	28 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29	09221051	NGUYỄN CHÂU	PHI		5	29 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30	09221052	TÔ TRƯỞNG	PHI		5	30 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31	09221054	HUỲNH VĂN HỒNG	PHIM		5	31 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32						32 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)
Môn Học Toán cao cấp C1 (202114-02)
CBGD Hà Thị Thảo Trâm (617)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
32	09221057	ĐINH CHÂU PHONG			5	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
33	09221055	NGUYỄN QUỐC PHUNG		V		2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	09221063	VÕ MINH QUANG			5	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	09221065	NGUYỄN VĂN BÉ SÁU		V		4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	09221067	NGUYỄN THỊ SEN		V		5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	09221068	NGUYỄN VĂN SỬ			5	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	09221076	NGUYỄN QUỐC THÁI		T	6	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
39	09221079	TRẦN VĂN THÀNH			5	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
40	09221081	NGUYỄN TOÀN THẮNG			3	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
41	09221078	HUỲNH HOÀI THƯƠNG		V		10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
42	09221086	NGUYỄN THỊ KIM TIẾNG		V		11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	09221087	LÊ VĂN TIỆP			5	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
44	09221088	PHẠM VĂN TOÀN			3	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
45	09221089	HUỲNH QUỐC TOÀN			5	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
46	09221093	TRẦN MINH TRÍ		V		15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
47	09221092	NGUYỄN THÀNH TRUNG			5	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
48	09221044	NGUYỄN VĂN ÚT			5	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
49	09221098	TRƯƠNG TRUNG VUI		V		18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)
Môn Học Pháp luật đại cương (202622-14)
CBGD Nguyễn Bạch Đằng (748)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09221001	VÕ THỊ THÚY	AN		0	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
2	09221003	LÊ THỊ BÍCH	CA		6	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
3	09221004	NGUYỄN TRỌNG	CẦN		5	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
4	09221005	NGUYỄN KIM	CHÂU		5	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
5	09221008	NGUYỄN VĂN	CHIẾN		5	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
6	09221009	NGUYỄN VĂN	CHÍNH			1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
7	09221006	VÕ VĂN	CHƯƠNG			1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
8	09221013	PHAN NGỌC	DỆT			1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
9	09221011	LÊ THỊ	DIỆM		5	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
10	09221012	NGUYỄN XUÂN	DIỄN		5	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
11	09221010	NGUYỄN VĂN	DỪNG		5	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
12	09221014	VÕ VĂN	ĐIỀN		6	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
13	09221024	TRẦN NGỌC	HUY		5	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
14	09221025	NGUYỄN HỮU	KHÁNH		5	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
15	09221026	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH		0	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
16	09221027	NGUYỄN THÀNH	KHÔI		4	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
17	09221030	NGUYỄN VĂN	LIÊM			1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
18	09221033	TRẦN VĂN	LIỆT			1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
19	09221034	NGUYỄN THỊ THÚY	LIỄU		3	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
20	09221031	NGUYỄN HỮU	LỢI		5	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
21	09221036	PHẠM VĂN	LUẬT		6	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
22	09221035	NGUYỄN VĂN	LUÔN		5	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
23	09221038	TRẦN VĂN	MINH		5	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
24	09221037	NGÔ VĂN	MƠ		3	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
25	09221039	NGUYỄN THÀNH	NAM		5	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
26	09221041	NGUYỄN TRUNG	NGHĨA			1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
27	09221040	NGUYỄN VĂN	NGHIỆM		6	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
28	09221043	PHẠM THANH	NHÂN		5	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
29	09221050	NGUYỄN THỊ	PHẬN		5	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
30	09221051	NGUYỄN CHÂU	PHI		5	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
31	09221052	TÔ TRƯƠNG	PHI		5	1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()
32						1 (V) 2 () 3 () 4 () 5 () 6 () 7 () 8 () 9 () 10 ()

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)

Môn Học Pháp luật đại cương (202622-14)

CBGD Nguyễn Bạch Đằng (748)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
32	09221057	ĐINH CHÂU	PHONG		3	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
33	09221058	NGUYỄN THANH	PHONG		5	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	09221059	VÕ TẤN	PHONG		5	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	09221060	VÕ TIỀN	PHONG		6	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	09221061	LÊ VĂN	PHỤNG		5	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	09221055	NGUYỄN QUỐC	PHÙNG	✓		6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	09221047	HÀ NGUYỄN VIỆT	PHƯƠNG		5	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
39	09221048	NGUYỄN VĂN	PHƯƠNG	✓		8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
40	09221063	VÕ MINH	QUANG		5	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
41	09221062	NGUYỄN MINH	QUÂN		5	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
42	09221064	NGUYỄN PHÚ	QUỐC		5	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	09221065	NGUYỄN VĂN BÉ	SÁU	✓		12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
44	09221067	NGUYỄN THỊ	SEN	✓		13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
45	09221071	ĐỖ VĂN	SY	✓		14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
46	09221072	PHẠM THANH	TÂM	✓		15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
47	09221076	NGUYỄN QUỐC	THÁI		5	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
48	09221082	PHẠM HOÀNG	THANH	✓		17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
49	09221079	TRẦN VĂN	THÀNH		5	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
50	09221075	NGUYỄN THỊ NGỌC	THƯ		6	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
51	09221078	HUỖNH HOÀI	THƯƠNG	✓		20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
52	09221086	NGUYỄN THỊ KIM	TIẾNG	✓		21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
53	09221088	PHẠM VĂN	TOÀN		3	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
54	09221093	TRẦN MINH	TRÍ	✓		23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
55	09221091	NGUYỄN THÀNH	TRUNG		3	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
56	09221092	NGUYỄN THÀNH	TRUNG		5	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
57	09221090	NGUYỄN VĂN	TRƯỜNG		5	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
58	09221095	HOÀNG VĂN	TUẤN		5	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
59	09221084	HỒ VĂN	TÙNG		5	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
60	09221094	NGUYỄN VĂN	TỰ		5	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
61	09221044	NGUYỄN VĂN	ÚT		5	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
62	09221098	TRƯƠNG TRUNG	VUI	✓		31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)

Môn Học Pháp luật đại cương (202622-14)

CBGD Nguyễn Bạch Đằng (748)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên																		
63	09221099	NGUYỄN HỮU	VY			5	1	V	0	1	2	3	4		6	7	8	9	10					
						2	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						3	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						4	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						5	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						6	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						7	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						8	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						9	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						10	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						11	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						12	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						13	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						14	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						15	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						16	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						17	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						18	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						19	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						20	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						21	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						22	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						23	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						24	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						25	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						26	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						27	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						28	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						29	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						30	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						31	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						32	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)

Môn Học Anh văn 2 (213602-35)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên												
1	09221001	VÕ THỊ THÚY	AN		6	1	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
2	09221002	NGUYỄN THẾ	ANH		6	2	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
3	09221003	LÊ THỊ BÍCH	CA		6	3	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
4	09221004	NGUYỄN TRỌNG	CẦN		6	4	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
5	09221005	NGUYỄN KIM	CHÂU		6	5	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
6	09221007	LÊ THỊ	CHIẾN		6	6	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
7	09221008	NGUYỄN VĂN	CHIẾN		5	7	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
8	09221009	NGUYỄN VĂN	CHÍNH		✓	8	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
9	09221006	VÕ VĂN	CHƯƠNG		✓	9	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
10	09221011	LÊ THỊ	DIỆM		6	10	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
11	09221012	NGUYỄN XUÂN	DIỄN		5	11	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
12	09221010	NGUYỄN VĂN	DỪNG		5	12	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
13	09221014	VÕ VĂN	ĐIỄN		5	13	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
14	09221015	HUỲNH HOÀNG	ĐÌNH		6	14	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
15	09221016	ĐINH VĂN	ĐÌNH		5	15	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
16	09221017	NGUYỄN ANH	ĐỨC		6	16	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
17	09221018	NGUYỄN TẤN	ĐỨC		6	17	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
18	09221020	HỒ TRỌNG	HẢI		5	18	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
19	09221019	VŨ THỊ	HẢI		✓	19	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
20	09221021	NGUYỄN HOÀNG	HÂN		6	20	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
21	09221023	LÊ THANH	HIỀN		5	21	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
22	09221022	HỒ VĂN	HIỀN		6	22	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
23	09221024	TRẦN NGỌC	HUY		6	23	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
24	09221028	NGUYỄN KINH	KHA		6	24	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
25	09221025	NGUYỄN HỮU	KHÁNH		6	25	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
26	09221026	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH		5	26	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
27	09221027	NGUYỄN THÀNH	KHÔI		5	27	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
28	09221029	NGUYỄN VĂN	LẠC		6	28	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
29	09221033	TRẦN VĂN	LIỆT		✓	29	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
30	09221034	NGUYỄN THỊ THÚY	LIÊU		5	30	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
31	09221032	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH		5	31	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
32	09221031	NGUYỄN HỮU	LỢI		5	32	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)
Môn Học: Anh văn 2 (213602-35)
CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	09221036	PHẠM VĂN	LUẬT		5	1 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
34	09221035	NGUYỄN VĂN	LUÔN		5	2 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
35	09221038	TRẦN VĂN	MINH		5	3 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
36	09221037	NGÔ VĂN	MƠ		6	4 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
37	09221039	NGUYỄN THÀNH	NAM		5	5 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
38	09221041	NGUYỄN TRUNG	NGHĨA		6	6 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
39	09221040	NGUYỄN VĂN	NGHIỆM		5	7 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
40	09221042	NGUYỄN THỊ	NGUYỄN		6	8 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
41	09221043	PHẠM THANH	NHÂN		5	9 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
42	09221049	TRẦN NGỌC	PHẢI		5	10 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
43	09221045	NGUYỄN TẤN	PHÁT		6	11 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
44	09221050	NGUYỄN THỊ	PHẦN		6	12 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
45	09221051	NGUYỄN CHÂU	PHI		5	13 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
46	09221052	TÔ TRƯƠNG	PHI		5	14 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
47	09221054	HUỖNH VĂN HỒNG	PHIM		5	15 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
48	09221057	ĐÌNH CHÂU	PHONG		5	16 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
49	09221058	NGUYỄN THANH	PHONG		5	17 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
50	09221059	VÕ TẤN	PHONG		5	18 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
51	09221060	VÕ TIỀN	PHONG		6	19 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
52	09221046	NGUYỄN VĂN	PHỢ		6	20 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
53	09221056	NGUYỄN TIẾN	PHÚC		5	21 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
54	09221061	LÊ VĂN	PHỤNG		5	22 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
55	09221053	NGUYỄN VĂN	PHƯỚC		5	23 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
56	09221047	HÀ NGUYỄN VIỆN	PHƯƠNG		6	24 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
57	09221048	NGUYỄN VĂN	PHƯƠNG		6	25 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
58	09221063	VÕ MINH	QUANG		5	26 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
59	09221062	NGUYỄN MINH	QUÂN		4	27 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
60	09221064	NGUYỄN PHÚ	QUỐC		5	28 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
61	09221070	NGÔ TRẮNG	SĨ		5	29 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
62	09221069	TRẦN VĂN	SOÀI		6	30 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
63	09221066	NGUYỄN MINH	SON		5	31 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
64	09221068	NGUYỄN VĂN	SỬ		5	32 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)
Môn Học Anh văn 2 (213602-35)
CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
65	09221071	ĐỖ VĂN SY		✓	✓	1 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
66	09221073	NGUYỄN VĂN TÀI		✓	5	2 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
67	09221072	PHẠM THANH TÂM		✓	✓	3 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
68	09221076	NGUYỄN QUỐC THÁI		✓	5	4 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
69	09221082	PHẠM HOÀNG THANH		✓	✓	5 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
70	09221079	TRẦN VĂN THÀNH		✓	5	6 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
71	09221080	NGUYỄN NHẬT THẢO		✓	5	7 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
72	09221081	NGUYỄN TOÀN THẮNG		✓	5	8 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
73	09221077	TRẦN QUANG THƠM		✓	5	9 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
74	09221075	NGUYỄN THỊ NGỌC THƯ		✓	5	10 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
75	09221083	NGUYỄN CÔNG THƯỜNG		✓	5	11 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
76	09221085	NGUYỄN ĐỨC TIẾN		✓	4	12 V 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10
77	09221087	LÊ VĂN TIỆP		✓	5	13 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
78	09221088	PHẠM VĂN TOÀN		✓	5	14 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
79	09221089	HUYNH QUỐC TOÀN		✓	4	15 V 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10
80	09221091	NGUYỄN THÀNH TRUNG		✓	4	16 V 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10
81	09221092	NGUYỄN THÀNH TRUNG		✓	5	17 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
82	09221090	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG		✓	5	18 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
83	09221095	HOÀNG VĂN TUẤN		✓	5	19 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
84	09221084	HỒ VĂN TÙNG		✓	5	20 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
85	09221096	MAI THỊ TUYẾN		✓	5	21 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
86	09221097	PHAN THỊ BẠCH TUYẾT		✓	5	22 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
87	09221094	NGUYỄN VĂN TỰ		✓	4	23 V 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10
88	09221074	BÙI HOÀNG TƯỜNG		✓	5	24 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
89	09221044	NGUYỄN VĂN ÚT		✓	5	25 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
90	09221099	NGUYỄN HỮU VY		✓	5	26 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
						27 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						28 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						29 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						30 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						31 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						32 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)
Môn Học Toán cao cấp C2 (202115-06)
CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09221001	VÕ THỊ THÚY	AN	<i>Thuc</i>	6,0	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	09221002	NGUYỄN THẾ	ANH	<i>Thuc</i>	6,0	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	09221003	LÊ THỊ BÍCH	CA	<i>Thuc</i>	6,0	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	09221004	NGUYỄN TRỌNG	CẦN	<i>Thuc</i>	5,0	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	09221005	NGUYỄN KIM	CHÂU	<i>Thuc</i>	6,0	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	09221007	LÊ THỊ	CHIẾN	<i>Thuc</i>	6,0	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	09221008	NGUYỄN VĂN	CHIẾN	<i>Thuc</i>	6,0	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	09221009	NGUYỄN VĂN	CHÍNH	✓	6,0	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	09221006	VÕ VĂN	CHƯƠNG	✓	6,0	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	09221011	LÊ THỊ	DIỆM	<i>Thuc</i>	6,0	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	09221012	NGUYỄN XUÂN	DIỄN	<i>Thuc</i>	6,0	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	09221010	NGUYỄN VĂN	DỪNG	<i>Thuc</i>	5,0	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	09221014	VÕ VĂN	ĐIỄN	<i>Thuc</i>	6,0	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	09221015	HUỖNH HOÀNG	ĐÌNH	<i>Thuc</i>	6,0	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	09221016	ĐINH VĂN	ĐÌNH	<i>Thuc</i>	6,0	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	09221017	NGUYỄN ANH	ĐỨC	<i>Thuc</i>	5,0	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	09221018	NGUYỄN TẤN	ĐỨC	<i>Thuc</i>	5,0	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	09221020	HỒ TRỌNG	HẢI	<i>Thuc</i>	6,0	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	09221019	VŨ THỊ	HÁI	✓	6,0	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	09221021	NGUYỄN HOÀNG	HẠN	<i>Thuc</i>	6,0	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	09221023	LÊ THANH	HIỀN	<i>Thuc</i>	6,0	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	09221022	HỒ VĂN	HIỀN	<i>Thuc</i>	5,0	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	09221024	TRẦN NGỌC	HUY	<i>Thuc</i>	6,0	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	09221028	NGUYỄN KINH	KHA	<i>Thuc</i>	5,0	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	09221025	NGUYỄN HỮU	KHÁNH	<i>Thuc</i>	6,0	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	09221026	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	<i>Thuc</i>	6,0	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	09221027	NGUYỄN THÀNH	KHÔI	<i>Thuc</i>	6,0	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	09221029	NGUYỄN VĂN	LẠC	<i>Thuc</i>	6,0	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	09221033	TRẦN VĂN	LIỆT	✓	6,0	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	09221034	NGUYỄN THỊ THÚY	LIÊU	<i>Thuc</i>	7,0	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	09221032	NGUYỄN THỊ THÚY	LINH	<i>Thuc</i>	5,0	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	09221031	NGUYỄN HỮU	LỢI	<i>Thuc</i>	5,0	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)
Môn Học: Toán cao cấp C2 (202115-06)
CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tô	Chữ ký SV	Điểm	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	09221036	PHẠM VĂN	LUẬT		6,0	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	09221035	NGUYỄN VĂN	LUÔN		6,0	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	09221038	TRẦN VĂN	MINH		6,0	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	09221037	NGÔ VĂN	MƠ		5,0	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	09221039	NGUYỄN THÀNH	NAM		5,0	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	09221041	NGUYỄN TRUNG	NGHĨA		6,0	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
39	09221040	NGUYỄN VĂN	NGHIÊM		6,0	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
40	09221042	NGUYỄN THỊ	NGUYỄN		6,0	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
41	09221043	PHẠM THANH	NHÂN		6,0	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
42	09221049	TRẦN NGỌC	PHẢI		6,0	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	09221045	NGUYỄN TẤN	PHÁT		6,0	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
44	09221050	NGUYỄN THỊ	PHẦN		5,0	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
45	09221051	NGUYỄN CHÂU	PHI		5,0	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
46	09221052	TÔ TRƯỞNG	PHI		5,0	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
47	09221054	HUỖNH VĂN HỒNG	PHIM		6,0	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
48	09221057	ĐÌNH CHÂU	PHONG		6,0	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
49	09221058	NGUYỄN THANH	PHONG		6,0	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
50	09221059	VÕ TẤN	PHONG		5,0	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
51	09221060	VÕ TIỀN	PHONG		5,0	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
52	09221046	NGUYỄN VĂN	PHƠ		6,0	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
53	09221056	NGUYỄN TIẾN	PHÚC		6,0	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
54	09221061	LÊ VĂN	PHỤNG		6,0	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
55	09221053	NGUYỄN VĂN	PHƯỚC		5,0	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
56	09221047	HÀ NGUYỄN VIỆN	PHƯƠNG		6,0	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
57	09221048	NGUYỄN VĂN	PHƯƠNG		6,0	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
58	09221063	VÕ MINH	QUANG		5,0	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
59	09221062	NGUYỄN MINH	QUÂN		6,0	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
60	09221064	NGUYỄN PHÚ	QUỐC		5,0	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
61	09221070	NGÔ TRĂNG	SĨ		6,0	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
62	09221069	TRẦN VĂN	SOÀI		6,0	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
63	09221066	NGUYỄN MINH	SƠN		6,0	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
64	09221068	NGUYỄN VĂN	SỬ		6,0	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)
Môn Học: Toán cao-cấp C2 (202115-06)
CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
65	09221071	ĐỖ VĂN SY	✓			1 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
66	09221073	NGUYỄN VĂN TÀI		<i>Vân</i>	5,0	2 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
67	09221072	PHẠM THANH TÂM	✓			3 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
68	09221076	NGUYỄN QUỐC THÁI		<i>Th</i>	5,0	4 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
69	09221082	PHẠM HOÀNG THANH	✓			5 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
70	09221079	TRẦN VĂN THÀNH		<i>Thành</i>	6,0	6 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
71	09221080	NGUYỄN NHẬT THẢO		<i>Thảo</i>	6,0	7 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
72	09221081	NGUYỄN TOÀN THẮNG		<i>Thắng</i>	6,0	8 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
73	09221077	TRẦN QUANG THƠM		<i>Thom</i>	6,0	9 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
74	09221075	NGUYỄN THỊ NGỌC THƯ		<i>Thư</i>	5,0	10 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
75	09221083	NGUYỄN CÔNG THƯỜNG		<i>Thường</i>	6,0	11 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
76	09221085	NGUYỄN ĐỨC TIẾN		<i>Tiến</i>	5,0	12 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
77	09221087	LÊ VĂN TIỆP		<i>Tiếp</i>	6,0	13 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
78	09221088	PHẠM VĂN TOÀN		<i>Toàn</i>	6,0	14 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
79	09221089	HUỲNH QUỐC TOÀN		<i>Toàn</i>	5,0	15 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
80	09221091	NGUYỄN THÀNH TRUNG		<i>Trung</i>	6,0	16 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
81	09221092	NGUYỄN THÀNH TRUNG		<i>Trung</i>	5,0	17 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
82	09221090	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG		<i>Trường</i>	6,0	18 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
83	09221095	HOÀNG VĂN TUẤN		<i>Tuấn</i>	6,0	19 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
84	09221084	HỒ VĂN TÙNG		<i>Tùng</i>	5,0	20 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
85	09221096	MAI THỊ TUYẾN		<i>Tuyến</i>	6,0	21 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
86	09221097	PHAN THỊ BẠCH TUYẾT		<i>Tuyết</i>	5,0	22 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
87	09221094	NGUYỄN VĂN TỰ		<i>Tự</i>	6,0	23 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
88	09221074	BÙI HOÀNG TƯỜNG		<i>Tường</i>	5,0	24 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
89	09221044	NGUYỄN VĂN ÚT		<i>Út</i>	5,0	25 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
90	09221099	NGUYỄN HỮU VY		<i>Vy</i>	6,0	26 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						27 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						28 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						29 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						30 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						31 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						32 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)
Môn Học Xác suất thống kê (202121-17)
CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09221001	VÕ THỊ THÚY	AN	<i>[Signature]</i>	Tam	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	09221002	NGUYỄN THẾ	ANH	<i>[Signature]</i>	Bảy	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	09221003	LÊ THỊ BÍCH	CA	<i>[Signature]</i>	Năm	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	09221004	NGUYỄN TRỌNG	CẦN	<i>[Signature]</i>	Bảy	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	09221005	NGUYỄN KIM	CHÂU	<i>[Signature]</i>	Sáu	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	09221007	LÊ THỊ	CHIẾN	<i>[Signature]</i>	Tam	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	09221008	NGUYỄN VĂN	CHIẾN	<i>[Signature]</i>	Tam	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	09221009	NGUYỄN VĂN	CHÍNH		V	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	09221006	VÕ VĂN	CHƯƠNG		V	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	09221011	LÊ THỊ	DIỆM	<i>[Signature]</i>	Bảy	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	09221012	NGUYỄN XUÂN	DIỄN	<i>[Signature]</i>	Tam	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	09221010	NGUYỄN VĂN	DỪNG	<i>[Signature]</i>	Bảy	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	09221014	VÕ VĂN	ĐIÊN	<i>[Signature]</i>	Sáu	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	09221015	HUỖNH HOÀNG	ĐÌNH	<i>[Signature]</i>	Năm	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	09221016	ĐINH VĂN	ĐÌNH	<i>[Signature]</i>	Năm	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	09221017	NGUYỄN ANH	ĐỨC	<i>[Signature]</i>	Bảy	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	09221018	NGUYỄN TẤN	ĐỨC	<i>[Signature]</i>	Bảy	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	09221020	HỒ TRỌNG	HÀI	<i>[Signature]</i>	Sáu	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	09221019	VŨ THỊ	HÀI		V	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	09221021	NGUYỄN HOÀNG	HẠN	<i>[Signature]</i>	Tam	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	09221023	LÊ THANH	HIỀN	<i>[Signature]</i>	Năm	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	09221022	HỒ VĂN	HIỀN	<i>[Signature]</i>	Bảy	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	09221024	TRẦN NGỌC	HUY	<i>[Signature]</i>	Sáu	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	09221028	NGUYỄN KINH	KHA	<i>[Signature]</i>	Tam	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	09221025	NGUYỄN HỮU	KHÁNH	<i>[Signature]</i>	Bảy	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	09221026	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	<i>[Signature]</i>	Bảy	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	09221027	NGUYỄN THÀNH	KHÔI	<i>[Signature]</i>	Sáu	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	09221029	NGUYỄN VĂN	LẠC	<i>[Signature]</i>	Sáu	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	09221033	TRẦN VĂN	LIỆT		V	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	09221034	NGUYỄN THỊ THÚY	LIÊU	<i>[Signature]</i>	Sáu	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	09221032	NGUYỄN THỊ THÚY	LINH	<i>[Signature]</i>	Bảy	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	09221031	NGUYỄN HỮU	LỢI	<i>[Signature]</i>	Năm	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)
Môn Học Xác suất thống kê (202121-17)
CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	09221036	PHẠM VĂN	LUẬT		Năm	1 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
34	09221035	NGUYỄN VĂN	LUÔN		Bảy	2 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
35	09221038	TRẦN VĂN	MINH		Tám	3 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
36	09221037	NGÔ VĂN	MƠ		Bảy	4 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
37	09221039	NGUYỄN THÀNH	NAM		Năm	5 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
38	09221041	NGUYỄN TRUNG	NGHĨA		V	6 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
39	09221040	NGUYỄN VĂN	NGHIỆM		Bảy	7 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
40	09221042	NGUYỄN THỊ	NGUYỄN		Sáu	8 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
41	09221043	PHẠM THANH	NHÂN		Bảy	9 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
42	09221049	TRẦN NGỌC	PHẢI		Bảy	10 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
43	09221045	NGUYỄN TẤN	PHÁT		V	11 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
44	09221050	NGUYỄN THỊ	PHÂN		Sáu	12 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
45	09221051	NGUYỄN CHÂU	PHI		Bảy	13 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
46	09221052	TÔ TRƯỞNG	PHI		Sáu	14 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
47	09221054	HUỖNH VĂN HỒNG	PHIM		Sáu	15 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
48	09221057	ĐÌNH CHÂU	PHONG		Bảy	16 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
49	09221058	NGUYỄN THANH	PHONG		Bảy	17 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
50	09221059	VÕ TẤN	PHONG		Sáu	18 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
51	09221060	VÕ TIỀN	PHONG		Bảy	19 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
52	09221046	NGUYỄN VĂN	PHƠ		V	20 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
53	09221056	NGUYỄN TIẾN	PHÚC		Bảy	21 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
54	09221061	LÊ VĂN	PHỤNG		Bảy	22 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
55	09221053	NGUYỄN VĂN	PHƯỚC		Năm	23 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
56	09221047	HÀ NGUYỄN VIỆN	PHƯƠNG		Tám	24 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
57	09221048	NGUYỄN VĂN	PHƯƠNG		V	25 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
58	09221063	VÕ MINH	QUANG		Bảy	26 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
59	09221062	NGUYỄN MINH	QUÂN		Sáu	27 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
60	09221064	NGUYỄN PHÚ	QUỐC		Tám	28 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
61	09221070	NGÔ TRẮNG	SĨ		Bảy	29 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
62	09221069	TRẦN VĂN	SOÀI		V	30 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
63	09221066	NGUYỄN MINH	SƠN		Bảy	31 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
64	09221068	NGUYỄN VĂN	SỨ		Bảy	32 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)
Môn Học Xác suất thống kê (202121-17)
CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
65	09221071	ĐỖ VĂN SY				1 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
66	09221073	NGUYỄN VĂN TÀI		Vân	Bảy	2 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10
67	09221072	PHẠM THANH TÂM				3 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
68	09221076	NGUYỄN QUỐC THÁI			Sáu	4 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
69	09221082	PHẠM HOÀNG THANH			✓	5 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
70	09221079	TRẦN VĂN THÀNH				6 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 9 ☐ 10
71	09221080	NGUYỄN NHẬT THẢO			Sáu	7 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
72	09221081	NGUYỄN TOÀN THẮNG			Tám	8 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 9 ☐ 10
73	09221077	TRẦN QUANG THOM			Bảy	9 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10
74	09221075	NGUYỄN THỊ NGỌC THƯ			Tám	10 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 9 ☐ 10
75	09221083	NGUYỄN CÔNG THƯỜNG			Tám	11 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 9 ☐ 10
76	09221085	NGUYỄN ĐỨC TIẾN			Tám	12 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 9 ☐ 10
77	09221087	LÊ VĂN TIỆP			Bảy	13 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10
78	09221088	PHẠM VĂN TOÀN			Bảy	14 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10
79	09221089	HUỲNH QUỐC TOÀN			Sáu	15 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
80	09221091	NGUYỄN THÀNH TRUNG			Sáu	16 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
81	09221092	NGUYỄN THÀNH TRUNG			Bảy	17 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10
82	09221090	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG			Năm	18 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
83	09221095	HOÀNG VĂN TUẤN			Tám	19 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 9 ☐ 10
84	09221084	HỒ VĂN TÙNG			Tám	20 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 9 ☐ 10
85	09221096	MAI THỊ TUYẾN			Tám	21 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 9 ☐ 10
86	09221097	PHAN THỊ BẠCH TUYẾT			Tám	22 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 9 ☐ 10
87	09221094	NGUYỄN VĂN TỰ			Sáu	23 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
88	09221074	BÙI HOÀNG TƯỜNG			Tám	24 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 9 ☐ 10
89	09221044	NGUYỄN VĂN ÚT			Tám	25 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 9 ☐ 10
90	09221099	NGUYỄN HỮU VY			Sáu	26 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						27 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						28 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						29 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						30 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						31 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						32 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

(Signature)

(Signature)

PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 04123

Trang 1/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

R22/M

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)
Môn Học: Pháp luật đại cương (202622-14)
CBGD: Nguyễn Bạch Đằng (748)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09221001	VÕ THỊ THÚY	AN		0	1 (V) 2 (0) 3 (1) 4 (2) 5 (3) 6 (4) 7 (5) 8 (6) 9 (7) 10 (8)
2	09221003	LÊ THỊ BÍCH	CA		6	2 (V) 3 (0) 4 (1) 5 (2) 6 (3) 7 (4) 8 (5) 9 (6) 10 (7)
3	09221004	NGUYỄN TRỌNG	CẦN		5	3 (V) 4 (0) 5 (1) 6 (2) 7 (3) 8 (4) 9 (5) 10 (6)
4	09221005	NGUYỄN KIM	CHÂU		5	4 (V) 5 (0) 6 (1) 7 (2) 8 (3) 9 (4) 10 (5)
5	09221008	NGUYỄN VĂN	CHIẾN		5	5 (V) 6 (0) 7 (1) 8 (2) 9 (3) 10 (4)
6	09221009	NGUYỄN VĂN	CHÍNH			6 (V) 7 (0) 8 (1) 9 (2) 10 (3)
7	09221006	VÕ VĂN	CHƯƠNG			7 (V) 8 (0) 9 (1) 10 (2)
8	09221013	PHAN NGỌC	DỆT			8 (V) 9 (0) 10 (1)
9	09221011	LÊ THỊ	DIỆM		5	9 (V) 10 (0)
10	09221012	NGUYỄN XUÂN	DIỄN		5	10 (V)
11	09221010	NGUYỄN VĂN	DỪNG		5	
12	09221014	VÕ VĂN	ĐIỀN		6	
13	09221024	TRẦN NGỌC	HUY		5	
14	09221025	NGUYỄN HỮU	KHÁNH		5	
15	09221026	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH		0	
16	09221027	NGUYỄN THÀNH	KHÔI		4	
17	09221030	NGUYỄN VĂN	LIÊM			
18	09221033	TRẦN VĂN	LIỆT			
19	09221034	NGUYỄN THỊ THÚY	LIÊU		3	
20	09221031	NGUYỄN HỮU	LỢI		5	
21	09221036	PHẠM VĂN	LUẬT		6	
22	09221035	NGUYỄN VĂN	LUÔN		5	
23	09221038	TRẦN VĂN	MINH		5	
24	09221037	NGÔ VĂN	MƠ		3	
25	09221039	NGUYỄN THÀNH	NAM		5	
26	09221041	NGUYỄN TRUNG	NGHĨA			
27	09221040	NGUYỄN VĂN	NGHIÊM		6	
28	09221043	PHẠM THANH	NHÂN		5	
29	09221050	NGUYỄN THỊ	PHÂN		5	
30	09221051	NGUYỄN CHÂU	PHI		5	
31	09221052	TÔ TRƯƠNG	PHI		5	
32						

PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 04123

Trang 2/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

R22/11

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)
Môn Học: Pháp luật đại cương (202622-14)
CBGD: Nguyễn Bạch Đằng (748)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên												
32	09221057	ĐINH CHÂU	PHONG			3	1	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
33	09221058	NGUYỄN THANH	PHONG			5	2	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
34	09221059	VÕ TẤN	PHONG			5	3	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
35	09221060	VÕ TIỀN	PHONG			6	4	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
36	09221061	LÊ VĂN	PHỤNG			5	5	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
37	09221055	NGUYỄN QUỐC	PHƯỜNG		✓		6	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	10
38	09221047	HÀ NGUYỄN VIÊN	PHƯƠNG			5	7	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
39	09221048	NGUYỄN VĂN	PHƯƠNG		✓		8	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	10
40	09221063	VÕ MINH	QUANG			5	9	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
41	09221062	NGUYỄN MINH	QUÂN			5	10	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
42	09221064	NGUYỄN PHÚ	QUỐC			5	11	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
43	09221065	NGUYỄN VĂN BÉ	SÁU		✓		12	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	10
44	09221067	NGUYỄN THỊ	SEN		✓		13	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	10
45	09221071	ĐỖ VĂN	SY		✓		14	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	10
46	09221072	PHẠM THANH	TÂM		✓		15	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	10
47	09221076	NGUYỄN QUỐC	THÁI			5	16	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
48	09221082	PHẠM HOÀNG	THANH		✓		17	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	10
49	09221079	TRẦN VĂN	THÀNH			5	18	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
50	09221075	NGUYỄN THỊ NGỌC	THƯ'			6	19	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
51	09221078	HUỖNH HOÀI	THƯƠNG		✓		20	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	10
52	09221086	NGUYỄN THỊ KIM	TIẾNG		✓		21	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	10
53	09221088	PHẠM VĂN	TOÀN			3	22	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
54	09221093	TRẦN MINH	TRÍ		✓		23	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	10
55	09221091	NGUYỄN THÀNH	TRUNG			3	24	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
56	09221092	NGUYỄN THÀNH	TRUNG			5	25	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
57	09221090	NGUYỄN VĂN	TRƯỜNG			5	26	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
58	09221095	HOÀNG VĂN	TUẤN			5	27	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
59	09221084	HỒ VĂN	TÙNG			5	28	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
60	09221094	NGUYỄN VĂN	TỰ			5	29	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
61	09221044	NGUYỄN VĂN	ÚT			5	30	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
62	09221098	TRƯƠNG TRUNG	VUI		✓		31	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	10
							32	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Số bài: 46 Số tờ: 46 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 22 tháng 11 năm 2010

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)

Môn Học Pháp luật đại cương (202622-14)

CBGD Nguyễn Bạch Đằng (748)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên												
63	09221099	NGUYỄN HỮU	VY		5	1	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						2	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						3	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						4	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						5	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						6	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						7	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						8	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						9	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						10	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						11	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						12	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						13	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						14	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						15	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						16	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						17	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						18	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						19	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						20	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						21	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						22	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						23	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						24	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						25	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						26	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						27	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						28	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						29	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						30	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						31	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						32	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)
Môn Học Khoa học môi trường (212110-12)
CBGD

STT	Mã SV	Họ và Tên	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên												
1	09221001	VÕ THỊ THÚY	AN		6	1	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2	09221002	NGUYỄN THẾ	ANH		5	2	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
3	09221003	LÊ THỊ BÍCH	CA		5	3	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
4	09221004	NGUYỄN TRỌNG	CĂN		5	4	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
5	09221005	NGUYỄN KIM	CHÂU		6	5	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
6	09221007	LÊ THỊ	CHIẾN		8	6	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
7	09221008	NGUYỄN VĂN	CHIẾN		7	7	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
8	09221009	NGUYỄN VĂN	CHÍNH			8	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
9	09221006	VÕ VĂN	CHƯƠNG			9	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
10	09221011	LÊ THỊ	DIỆM		5	10	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	09221012	NGUYỄN XUÂN	DIỄN		6	11	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
12	09221010	NGUYỄN VĂN	DỪNG		6	12	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
13	09221014	VÕ VĂN	ĐIỀN		5	13	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
14	09221015	HUỖNH HOÀNG	ĐÌNH		6	14	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
15	09221016	ĐINH VĂN	ĐÌNH		6	15	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
16	09221017	NGUYỄN ANH	ĐỨC		6	16	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
17	09221018	NGUYỄN TẤN	ĐỨC		6	17	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
18	09221020	HỒ TRỌNG	HẢI		6	18	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
19	09221019	VŨ THỊ	HẢI			19	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
20	09221021	NGUYỄN HOÀNG	HÂN		5	20	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
21	09221023	LÊ THANH	HIỀN			21	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
22	09221022	HỒ VĂN	HIỀN		6	22	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
23	09221024	TRẦN NGỌC	HUY		6	23	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
24	09221028	NGUYỄN KINH	KHA		6	24	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
25	09221025	NGUYỄN HỮU	KHÁNH		5	25	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
26	09221026	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH		5	26	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
27	09221027	NGUYỄN THÀNH	KHÔI		5	27	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
28	09221029	NGUYỄN VĂN	LẠC		5	28	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
29	09221033	TRẦN VĂN	LIỆT			29	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
30	09221034	NGUYỄN THỊ THÚY	LIỆU		5	30	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
31	09221032	NGUYỄN THỊ THỦY	LINH		5	31	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
32	09221031	NGUYỄN HỮU	LỢI		5	32	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)
Môn Học Khoa học môi trường (212110-12)
CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên												
33	09221036	PHẠM VĂN	LUẬT		5	1	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
34	09221035	NGUYỄN VĂN	LUÔN		5	2	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
35	09221038	TRẦN VĂN	MINH		5	3	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
36	09221037	NGÔ VĂN	MƠ		5	4	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
37	09221039	NGUYỄN THÀNH	NAM		5	5	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
38	09221041	NGUYỄN TRUNG	NGHĨA			6	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
39	09221040	NGUYỄN VĂN	NGHIÊM		5	7	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
40	09221042	NGUYỄN THỊ	NGUYỄN		4	8	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
41	09221043	PHẠM THANH	NHÂN		4	9	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
42	09221049	TRẦN NGỌC	PHẢI		5	10	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
43	09221045	NGUYỄN TẤN	PHÁT		5	11	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
44	09221050	NGUYỄN THỊ	PHẦN		5	12	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
45	09221051	NGUYỄN CHÂU	PHI		5	13	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
46	09221052	TÔ TRƯƠNG	PHI		5	14	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
47	09221054	HUỲNH VĂN HỒNG	PHIM		5	15	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
48	09221057	ĐÌNH CHÂU	PHONG		5	16	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
49	09221058	NGUYỄN THANH	PHONG		5	17	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
50	09221059	VÕ TẤN	PHONG		5	18	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
51	09221060	VÕ TIỀN	PHONG		6	19	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
52	09221046	NGUYỄN VĂN	PHO			20	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
53	09221056	NGUYỄN TIẾN	PHÚC		5	21	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
54	09221061	LÊ VĂN	PHỤNG		5	22	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
55	09221053	NGUYỄN VĂN	PHƯỚC		6	23	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
56	09221047	HÀ NGUYỄN VIỆN	PHƯƠNG		6	24	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
57	09221048	NGUYỄN VĂN	PHƯƠNG			25	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
58	09221063	VÕ MINH	QUANG		5	26	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
59	09221062	NGUYỄN MINH	QUÂN		5	27	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
60	09221064	NGUYỄN PHÚ	QUỐC		5	28	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
61	09221070	NGÔ TRĂNG	SĨ		6	29	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
62	09221069	TRẦN VĂN	SOÀI			30	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
63	09221066	NGUYỄN MINH	SƠN		5	31	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
64	09221068	NGUYỄN VĂN	SỬ		5	32	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)
Môn Học Khoa học môi trường (212110-12)
CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên												
65	09221071	ĐỖ VĂN SY				1	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
66	09221073	NGUYỄN VĂN TÀI		<i>Van Tai</i>	4	2	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
67	09221072	PHẠM THANH TÂM				3	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
68	09221076	NGUYỄN QUỐC THÁI		<i>T</i>	5	4	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
69	09221082	PHẠM HOÀNG THANH				5	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
70	09221079	TRẦN VĂN THÀNH		<i>Thanh</i>	5	6	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
71	09221080	NGUYỄN NHẬT THẢO	<i>T</i>	<i>Thao</i>	5	7	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
72	09221081	NGUYỄN TOÀN THẮNG		<i>Toan</i>	5	8	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
73	09221077	TRẦN QUANG THƠM		<i>Thom</i>	6	9	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
74	09221075	NGUYỄN THỊ NGỌC THƯ		<i>Thi</i>	6	10	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
75	09221083	NGUYỄN CÔNG THƯỜNG		<i>Thuong</i>	6	11	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
76	09221085	NGUYỄN ĐỨC TIẾN		<i>Tien</i>	5	12	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
77	09221087	LÊ VĂN TIỆP		<i>Leep</i>	4	13	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
78	09221088	PHẠM VĂN TOÀN		<i>Toan</i>	5	14	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
79	09221089	HUỖNH QUỐC TOÀN		<i>Toan</i>	5	15	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
80	09221091	NGUYỄN THÀNH TRUNG		<i>Th</i>	5	16	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
81	09221092	NGUYỄN THÀNH TRUNG		<i>Th</i>	5	17	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
82	09221090	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG		<i>Truong</i>	5	18	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
83	09221095	HOÀNG VĂN TUẤN		<i>Tuan</i>	5	19	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
84	09221084	HỒ VĂN TÙNG		<i>Tung</i>	4	20	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
85	09221096	MAI THỊ TUYẾN		<i>Thi</i>	5	21	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
86	09221097	PHAN THỊ BẠCH TUYẾT		<i>Phan</i>	6	22	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
87	09221094	NGUYỄN VĂN TỰ		<i>Tu</i>	5	23	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
88	09221074	BÙI HOÀNG TƯỜNG		<i>Tuong</i>	5	24	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
89	09221044	NGUYỄN VĂN ÚT		<i>Ut</i>	5	25	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
90	09221099	NGUYỄN HỮU VY		<i>Vy</i>	5	26	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						27	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						28	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						29	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						30	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						31	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						32	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)
Môn Học Tư tưởng Hồ Chí Minh (200107-06)
CBGD

STT	Mã SV	Họ và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09221001	VÕ THỊ THÚY	AN	<i>[Signature]</i>	8	1 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	09221002	NGUYỄN THẾ	ANH	<i>[Signature]</i>	7	2 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	09221005	NGUYỄN KIM	CHÂU	<i>[Signature]</i>	3	3 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4	09221007	LÊ THỊ	CHIẾN	<i>[Signature]</i>	8	4 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5	09221008	NGUYỄN VĂN	CHIẾN	<i>[Signature]</i>	7	5 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6	09221011	LÊ THỊ	DIỆM	<i>[Signature]</i>	6	6 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7	09221010	NGUYỄN VĂN	DỪNG	<i>[Signature]</i>	6	7 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8	09221017	NGUYỄN ANH	ĐỨC	<i>[Signature]</i>	5	8 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9	09221018	NGUYỄN TẤN	ĐỨC	<i>[Signature]</i>	7	9 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10	09221019	VŨ THỊ	HẢI	<i>[Signature]</i>	—	10 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11	09221023	LÊ THANH	HIỀN	<i>[Signature]</i>	5	11 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12	09221022	HỒ VĂN	HIỀN	<i>[Signature]</i>	5	12 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13	09221024	TRẦN NGỌC	HUY	<i>[Signature]</i>	3	13 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14	09221025	NGUYỄN HỮU	KHÁNH	<i>[Signature]</i>	2	14 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15	09221026	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	<i>[Signature]</i>	3	15 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16	09221027	NGUYỄN THÀNH	KHÔI	<i>[Signature]</i>	7	16 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17	09221034	NGUYỄN THỊ THÚY	LIÊU	<i>[Signature]</i>	6	17 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18	09221032	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	<i>[Signature]</i>	8	18 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19	09221031	NGUYỄN HỮU	LỢI	<i>[Signature]</i>	5	19 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20	09221036	PHẠM VĂN	LUẬT	<i>[Signature]</i>	3	20 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21	09221035	NGUYỄN VĂN	LUÔNG	<i>[Signature]</i>	8	21 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22	09221037	NGÔ VĂN	MƠ	<i>[Signature]</i>	5	22 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23	09221040	NGUYỄN VĂN	NGHIỆM	<i>[Signature]</i>	8	23 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24	09221042	NGUYỄN THỊ	NGUYỄN	<i>[Signature]</i>	7	24 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25	09221043	PHẠM THANH	NHÂN	<i>[Signature]</i>	3	25 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26	09221049	TRẦN NGỌC	PHẢI	<i>[Signature]</i>	6	26 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27	09221045	NGUYỄN TẤN	PHÁT	<i>[Signature]</i>	—	27 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28	09221051	NGUYỄN CHÂU	PHI	<i>[Signature]</i>	7	28 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29	09221052	TÔ TRƯƠNG	PHI	<i>[Signature]</i>	5	29 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30	09221057	ĐÌNH CHÂU	PHONG	<i>[Signature]</i>	5	30 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31	09221058	NGUYỄN THANH	PHONG	<i>[Signature]</i>	5	31 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32	09221059	VÕ TẤN	PHONG	<i>[Signature]</i>	5	32 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)
Môn Học Tư tưởng Hồ Chí Minh (200107-06)
CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký/SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên												
33	09221060	VÕ TIỀN	PHONG	1	6	1	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
34	09221046	NGUYỄN VĂN	PHO	1	3	2	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
35	09221056	NGUYỄN TIẾN	PHÚC	1	3	3	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
36	09221053	NGUYỄN VĂN	PHƯỚC	1	3	4	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
37	09221047	HÀ NGUYỄN VIÊN	PHƯƠNG	1	6	5	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
38	09221062	NGUYỄN MINH	QUÂN	1	3	6	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
39	09221064	NGUYỄN PHÚ	QUỐC	1	6	7	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
40	09221073	NGUYỄN VĂN	TÀI	1	6	8	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
41	09221072	PHẠM THANH	TÂM	1	3	9	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
42	09221076	NGUYỄN QUỐC	THÁI	1	6	10	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
43	09221082	PHẠM HOÀNG	THANH	1	3	11	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
44	09221080	NGUYỄN NHẬT	THẢO	1	6	12	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
45	09221081	NGUYỄN TOÀN	THẮNG	1	5	13	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
46	09221075	NGUYỄN THỊ NGỌC	THƯ	1	8	14	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
47	09221083	NGUYỄN CÔNG	THƯỜNG	1	8	15	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
48	09221085	NGUYỄN ĐỨC	TIẾN	1	6	16	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
49	09221087	LÊ VĂN	TIỆP	1	6	17	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
50	09221089	HUỲNH QUỐC	TOÀN	1	3	18	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
51	09221091	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	1	3	19	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
52	09221090	NGUYỄN VĂN	TRƯỜNG	1	5	20	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
53	09221095	HOÀNG VĂN	TUẤN	1	7	21	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
54	09221096	MAI THỊ	TUYẾN	1	8	22	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
55	09221097	PHAN THỊ BẠCH	TUYẾT	1	7	23	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
56	09221094	NGUYỄN VĂN	TỰ	1	7	24	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
57	09221074	BÙI HOÀNG	TƯỜNG	1	5	25	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
58	09221044	NGUYỄN VĂN	ÚT	1	3	26	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
59	09221099	NGUYỄN HỮU	VY	1	3	27	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						28	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						29	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						30	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						31	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						32	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)
Môn Học: Anh văn 1 (213601-55)
CBGD: Huỳnh Thị Cẩm Loan (638)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09221001	VÕ THỊ THÚY	AN		5	1 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	09221002	NGUYỄN THẾ	ANH		4	2 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	09221003	LÊ THỊ BÍCH	CA		4	3 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4	09221004	NGUYỄN TRỌNG	CẦN		4	4 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5	09221005	NGUYỄN KIM	CHÂU		5	5 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6	09221007	LÊ THỊ	CHIẾN		5	6 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7	09221008	NGUYỄN VĂN	CHIẾN		5	7 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8	09221009	NGUYỄN VĂN	CHÍNH		✓	8 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9	09221006	VÕ VĂN	CHƯƠNG		✓	9 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10	09221013	PHAN NGỌC	DỆT		✓	10 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11	09221011	LÊ THỊ	DIỆM		5	11 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12	09221012	NGUYỄN XUÂN	DIỄN		5	12 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13	09221010	NGUYỄN VĂN	DỪNG		5	13 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14	09221014	VÕ VĂN	DIỄN		5	14 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15	09221015	HUỲNH HOÀNG	ĐÌNH		5	15 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16	09221016	ĐINH VĂN	ĐÌNH		4	16 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17	09221017	NGUYỄN ANH	ĐỨC		5	17 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18	09221018	NGUYỄN TẤN	ĐỨC		5	18 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19	09221020	HỒ TRỌNG	HẢI		5	19 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20	09221019	VŨ THỊ	HẢI		✓	20 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21	09221021	NGUYỄN HOÀNG	HẠN		5	21 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22	09221023	LÊ THANH	HIỂN		5	22 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23	09221022	HỒ VĂN	HIỂN		4	23 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24	09221024	TRẦN NGỌC	HUY		4	24 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25	09221028	NGUYỄN KINH	KHA		4	25 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26	09221025	NGUYỄN HỮU	KHÁNH		4	26 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27	09221026	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH		6	27 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28	09221027	NGUYỄN THÀNH	KHÔI		4	28 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29	09221029	NGUYỄN VĂN	LẠC		5	29 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30	09221030	NGUYỄN VĂN	LIÊM		✓	30 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31	09221033	TRẦN VĂN	LIỆT		✓	31 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32	09221034	NGUYỄN THỊ THÚY	LIỄU		4	32 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)
Môn Học Anh văn 1 (213601-55)
CBGD Huỳnh Thị Cẩm Loan (638)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	09221032	NGUYỄN THỊ THÙY LINH			5	1 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
34	09221031	NGUYỄN HỮU LỢI			4	2 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
35	09221036	PHẠM VĂN LUẬT			5	3 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
36	09221035	NGUYỄN VĂN LUÔN			5	4 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
37	09221038	TRẦN VĂN MINH			5	5 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
38	09221037	NGÔ VĂN MƠ			5	6 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
39	09221039	NGUYỄN THÀNH NAM			5	7 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
40	09221041	NGUYỄN TRUNG NGHĨA			✓	8 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
41	09221040	NGUYỄN VĂN NGHIỆM			3	9 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
42	09221042	NGUYỄN THỊ NGUYỄN			4	10 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
43	09221043	PHẠM THANH NHÂN			5	11 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
44	09221049	TRẦN NGỌC PHẢI			3	12 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
45	09221045	NGUYỄN TẤN PHÁT			✓	13 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
46	09221050	NGUYỄN THỊ PHẬN			5	14 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
47	09221051	NGUYỄN CHÂU PHI			3	15 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
48	09221052	TÔ TRƯƠNG PHI			3	16 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
49	09221054	HUỲNH VĂN HỒNG PHIM			5	17 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
50	09221057	ĐINH CHÂU PHONG			6	18 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
51	09221058	NGUYỄN THANH PHONG			4	19 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
52	09221059	VÕ TẤN PHONG			3	20 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
53	09221060	VÕ TIỀN PHONG			5	21 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
54	09221046	NGUYỄN VĂN PHƠ			✓	22 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
55	09221056	NGUYỄN TIẾN PHÚC			5	23 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
56	09221061	LÊ VĂN PHỤNG			5	24 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
57	09221055	NGUYỄN QUỐC PHỤNG			✓	25 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
58	09221053	NGUYỄN VĂN PHƯỚC			5	26 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
59	09221047	HÀ NGUYỄN VIÊN PHƯƠNG			6	27 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
60	09221048	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG			✓	28 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
61	09221063	VÕ MINH QUANG			5	29 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
62	09221062	NGUYỄN MINH QUÂN			5	30 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
63	09221064	NGUYỄN PHÚ QUỐC			5	31 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
64	09221065	NGUYỄN VĂN BÉ SÁU			✓	32 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)
Môn Học: Anh văn 1 (213601-55)
CBGD: Huỳnh Thị Cẩm Loan (638)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên
65	09221067	NGUYỄN THỊ SEN		✓	✓	1 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
66	09221070	NGÔ TRẮNG SĨ		<i>Ngô</i>	5	2 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
67	09221069	TRẦN VĂN SOÀI		✓	✓	3 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
68	09221066	NGUYỄN MINH SƠN		<i>Nguyễn Minh Sơn</i>	5	4 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
69	09221068	NGUYỄN VĂN SỬ		<i>Nguyễn Văn Sử</i>	5	5 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
70	09221071	ĐỖ VĂN SY		✓	✓	6 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
71	09221073	NGUYỄN VĂN TÀI		<i>Nguyễn Văn Tài</i>	5	7 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
72	09221072	PHẠM THANH TÂM		✓	✓	8 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
73	09221076	NGUYỄN QUỐC THÁI		<i>Nguyễn Quốc Thái</i>	4	9 V 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10
74	09221082	PHẠM HOÀNG THANH		✓	✓	10 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
75	09221079	TRẦN VĂN THÀNH		<i>Trần Văn Thành</i>	5	11 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
76	09221080	NGUYỄN NHẬT THẢO		<i>Nguyễn Nhật Thảo</i>	5	12 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
77	09221081	NGUYỄN TOÀN THẮNG		<i>Nguyễn Toàn Thắng</i>	5	13 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
78	09221077	TRẦN QUANG THƠM		<i>Trần Quang Thơm</i>	5	14 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
79	09221075	NGUYỄN THỊ NGỌC THƯ		<i>Nguyễn Thị Ngọc Thư</i>	6	15 V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10
80	09221078	HUỲNH HOÀI THƯƠNG		✓	✓	16 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
81	09221083	NGUYỄN CÔNG THƯỜNG		<i>Nguyễn Công Thường</i>	5	17 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
82	09221085	NGUYỄN ĐỨC TIẾN		<i>Nguyễn Đức Tiến</i>	5	18 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
83	09221086	NGUYỄN THỊ KIM TIẾNG		✓	✓	19 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
84	09221087	LÊ VĂN TIỆP		<i>Lê Văn Tiếp</i>	5	20 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
85	09221088	PHẠM VĂN TOÀN		<i>Phạm Văn Toàn</i>	5	21 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
86	09221089	HUỲNH QUỐC TOÀN		<i>Huỳnh Quốc Toàn</i>	4	22 V 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10
87	09221093	TRẦN MINH TRÍ		✓	✓	23 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
88	09221091	NGUYỄN THÀNH TRUNG		<i>Nguyễn Thành Trung</i>	5	24 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
89	09221092	NGUYỄN THÀNH TRUNG		<i>Nguyễn Thành Trung</i>	5	25 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
90	09221090	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG		<i>Nguyễn Văn Trường</i>	5	26 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
91	09221095	HOÀNG VĂN TUẤN		<i>Hoàng Văn Tuấn</i>	6	27 V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10
92	09221084	HỒ VĂN TÙNG		<i>Hồ Văn Tùng</i>	5	28 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
93	09221096	MAI THỊ TUYẾN		<i>Mai Thị Tuyến</i>	6	29 V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10
94	09221097	PHAN THỊ BẠCH TUYẾT		<i>Phan Thị Bạch Tuyết</i>	5	30 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
95	09221094	NGUYỄN VĂN TỰ		<i>Nguyễn Văn Tự</i>	4	31 V 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10
96	09221074	BÙI HOÀNG TƯỜNG		<i>Bùi Hoàng Tường</i>	5	32 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09PTLA (Phát triển NT&KN Long An)
Môn Học: Anh văn 1 (213601-55)
CBGD: Huỳnh Thị Cẩm Loan (638)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
97	09221044	NGUYỄN VĂN ÚT		<i>Ut</i>	5	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
98	09221098	TRƯƠNG TRUNG VUI		<i>V</i>	V	2 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
99	09221099	NGUYỄN HỮU VY		<i>vu</i>	5	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10